

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	04-05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	06-07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	08-09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10-43

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán Quý II năm 2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Đức Thuận	Chủ tịch
Ông Trần Xuân Vinh	Thành viên
Ông Đặng Minh Quang	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Xuân Vinh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 21/03/2026
Ông Nguyễn Quang Phi Tín	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21/03/2026
		Miễn nhiệm ngày 21/07/2026
Ông Lê Hoàng Long	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21/07/2026
Ông Trần Xuân Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21/07/2026
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Thanh Huyền	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên
Ông Ngô Văn Thuận	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Lê Hoàng Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.340.075.284.671	1.044.365.801.277
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	45.500.229.965	22.903.169.270
1. Tiền	111		41.119.232.800	6.217.797.139
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.380.997.165	16.685.372.131
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	145.586.000.000	30.200.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		145.586.000.000	30.200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		702.223.078.394	739.984.948.960
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	373.499.989.503	582.159.870.769
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	327.972.456.528	134.710.008.678
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn			-	22.500.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	135	9	750.632.363	615.069.513
IV. Hàng tồn kho	140	10	428.112.623.639	246.074.692.194
1. Hàng tồn kho	141		428.112.623.639	246.074.692.194
V. Tài sản ngắn hạn khác	160		18.653.352.673	5.202.990.853
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	15	1.287.082.871	646.288.620
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		17.270.891.900	4.546.934.120
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	19	95.377.902	9.768.113
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		364.253.140.693	442.560.839.463
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		751.254.798	152.000.000
1. Tài sản dài hạn khác	215	9	751.254.798	152.000.000
II. Tài sản cố định	220		228.450.646.412	257.841.184.197
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	223.757.678.033	256.204.977.362
- Nguyên giá	222		325.080.717.762	357.642.437.469
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(101.323.039.729)	(101.437.460.107)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	3.524.249.210	-
- Nguyên giá	225		3.658.662.434	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(134.413.224)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	1.168.719.169	1.636.206.835
- Nguyên giá	228		6.098.456.667	6.098.456.667
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.929.737.498)	(4.462.249.832)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	250	11	70.033.398.257	139.384.448.655
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		70.033.398.257	139.384.448.655
V. Đầu tư tài chính dài hạn	260		-	24.148.357.445
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		-	24.148.357.445
VI. Tài sản dài hạn khác	270		65.017.841.226	21.034.849.166
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	15	61.464.371.182	17.782.424.034
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	23	2.645.005.279	2.214.179.686
3. Lợi thế thương mại	279		908.464.765	1.038.245.446
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	280		1.704.328.425.364	1.486.926.640.740

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌCSố 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.134.013.426.324	910.041.120.966
I. Nợ ngắn hạn	310		1.006.520.768.026	775.101.433.808
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	115.479.059.254	103.796.646.416
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	125.974.121.477	59.552.591.244
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	19	29.740.915.939	33.315.187.006
4. Phải trả người lao động	315		5.174.936.118	3.440.697.568
5. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	20	26.363.999	946.181.822
6. Phải trả ngắn hạn khác	320	21	120.687.267.237	486.139.940
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	22	608.080.984.107	572.206.869.917
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.357.119.895	1.357.119.895
II. Nợ dài hạn	330		127.492.658.298	134.939.687.158
1. Phải trả dài hạn khác	338		1.789.140.000	1.789.140.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	22	125.703.518.298	133.150.547.158
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		570.314.999.040	576.885.519.774
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	570.314.999.040	576.885.519.774
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		312.493.940.000	312.493.940.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		312.493.940.000	312.493.940.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		79.978.400.000	79.978.400.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.055.393.794	3.055.393.794
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		166.742.895.569	172.447.464.248
- LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước	420a		171.541.142.172	123.811.057.065
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		(4.798.246.603)	48.636.407.183
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		8.044.369.677	8.910.321.732
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		1.704.328.425.364	1.486.926.640.740

Lại Thị Thu Hà
Người lậpTrần Thị Sáng
Kế toán trưởngLê Hoàng Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

CHỈ TIÊU			Mã số	Thuyết minh	Quý II năm 2026		Quý II năm 2025		Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026		Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025		MÃ SỐ B 02-DN Đơn vị: VND
					VND		VND		VND		VND		
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ				01	25	145.976.525.079	463.722.401.586	349.772.693.781	870.686.876.812			
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu				02	26	822.069.397	4.832.499.674	2.375.806.630	8.647.439.165			
3.	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)				10		145.154.455.682	458.889.901.912	347.396.887.151	862.039.437.647			
4.	Giá vốn hàng bán				11	27	120.463.678.184	396.936.377.773	287.401.485.669	769.090.373.469			
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)				20		24.690.777.498	61.953.524.139	59.995.401.482	92.949.064.178			
6.	Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư				21		-	-	-	-			
7.	Doanh thu hoạt động tài chính				22	28	340.224.680	3.522.370.776	776.764.852	5.103.874.175			
8.	Chi phí tài chính				23	29	13.776.900.750	17.837.178.822	25.004.346.962	31.902.651.742			
	Trong đó: Chi phí lãi vay				24		13.618.974.267	17.689.653.529	28.967.735.164	31.600.415.436			
9.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				25		-	(31.076.621.454)	-	(31.076.621.454)			
10.	Chi phí bán hàng				26	30	12.320.708.252	16.830.650.648	23.652.749.306	28.457.490.015			
11.	Chi phí quản lý doanh nghiệp				27	31	9.950.788.325	6.912.199.957	18.041.487.252	13.937.712.379			
12.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))				30		(11.017.395.149)	(7.180.755.966)	(5.926.417.186)	(7.321.537.237)			
13.	Thu nhập khác				31		5.086.246.986	118.491.573	5.086.299.723	132.900.397			
14.	Chi phí khác				32		1.863.523.725	1.525.528.552	3.603.957.096	3.866.512.364			
15.	Lợi nhuận khác (40=31-32)				40		3.222.723.261	(1.407.036.979)	1.482.342.627	(3.733.611.967)			
16.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)				50		(7.794.671.888)	(8.587.792.945)	(4.444.074.559)	(11.055.149.204)			

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II năm 2026	Quý II năm 2025	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
			VND	VND	VND	VND
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	1.517.143.570	(938.988.322)	3.613.174.219	2.042.513.959
18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(428.904.380)	6.103.895.170	(2.305.185.850)	4.421.853.026
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(8.882.911.078)	(13.752.699.793)	(5.752.062.928)	(17.519.516.189)
20. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(8.511.550.096)	(18.875.473.234)	(4.798.246.603)	(19.738.760.659)
21. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		(371.360.982)	5.122.773.441	(953.816.325)	2.219.244.470
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33			(154)	(632)

Lại Thị Thu Hà
Người lập

Trần Thị Sáng
Kế toán trưởng



Lê Hoàng Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌCSố 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

(Theo phương pháp gián tiếp)

MÃ SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(4.444.074.559)	(11.055.149.204)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		9.585.976.630	11.229.993.991
- Các khoản dự phòng	03		-	4.534.152.644
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(1.288.479.825)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.676.222.907)	30.253.030.396
- Chi phí lãi vay	06		28.967.735.164	31.844.646.359
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		28.433.414.328	65.518.194.361
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.953.323.287	2.452.295.176
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(182.037.931.445)	(128.317.765.051)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		234.132.954.378	22.169.773.321
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		742.892.537	(40.615.256)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(28.967.735.164)	(31.844.646.359)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(394.237.013)	(1.091.256.962)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(401.320.000)	(2.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		53.461.360.908	(71.156.020.770)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.000.000.000)	(1.315.014.180)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		2.340.110.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(92.036.000.000)	(37.601.957.882)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.500.000.000	13.400.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(52.780.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		31.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		771.805.665	1.529.786.264
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(54.424.084.335)	(76.767.185.798)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	4.900.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33		658.688.758.714	878.714.949.971
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(632.932.859.675)	(785.310.376.922)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(2.196.114.917)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		23.559.784.122	98.304.573.049

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		22.597.060.695	(49.618.633.519)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		22.903.169.270	77.509.856.030
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	301.471
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	<u>45.500.229.965</u>	<u>27.891.523.982</u>


Lại Thị Thu Hà
Người lập

Trần Thị Sáng
Kế toán trưởngLê Hoàng Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0105950129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 21 tháng 05 năm 2026.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 312.493.940.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 312.493.940.000 đồng; tương đương 31.249.394 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất, kinh doanh các loại bánh.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất các loại bánh từ bột, sản xuất đường, cacao, sô cô la và mứt kẹo;
- Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự, thức ăn chế biến sẵn;
- Sản xuất rượu vang, sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Bán buôn gạo, bán buôn thực phẩm, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Bán lẻ khác trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp, bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

Cấu trúc Tập đoàn**Tổng số công ty con: 3**

- Số lượng công ty con được hợp nhất trực tiếp: 3

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2026 bao gồm:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Bắc	Hà Nội	90,00%	90,00%	Sản xuất bánh kẹo
Công ty CP Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Nam	TP Hồ Chí Minh	96,72%	96,72%	Sản xuất bánh kẹo
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu thương mại Bảo An Hà Nam	Ninh Bình	99,00%	99,00%	Sản xuất sản phẩm từ plastic

2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ

Lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 44 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 10 năm

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 năm đến 05 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí bảo hiểm, chi phí cải tạo, sửa chữa, công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các khoản chi phí chờ phân bổ khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản chi phí chờ phân bổ bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Tiền mặt	40.248.343.431	4.118.545.938
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	870.889.369	2.099.251.201
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	2.087.473	388.275.749
Ngân hàng TMCP Quân Đội	2.759.197	11.458.492
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.361.719	1.004.125.711
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	70.135	270.490.383
Các ngân hàng khác	36.387.343	424.900.866
Các khoản tương đương tiền	4.380.997.165	16.685.372.131
	45.500.229.965	22.903.169.270

Tại 30/06/2026, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,2% - 4,2%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn	145.586.000.000	140.236.000.000	52.700.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn	66.550.000.000	61.200.000.000	30.200.000.000	-
Cho vay	79.036.000.000	79.036.000.000	22.500.000.000	-
Ông Lê Hải Việt	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	-
Ông Trịnh Văn Thanh	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	-
Ông Nguyễn Cừ	7.500.000.000	7.500.000.000	7.500.000.000	-
Công ty TNHH Gia Phúc Lâm	3.036.000.000	3.036.000.000	-	-
Ông Đào Văn Hùng	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-
Bà Đỗ Thị Mai	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-
Bà Văn Thị Thu Hương	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-
Ông Lương Đình Văn	14.500.000.000	14.500.000.000	-	-
	145.586.000.000	140.236.000.000	52.700.000.000	-

Tại 30/06/2026, khoản đầu tư ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến 12 tháng được gửi tại các Ngân hàng với lãi suất từ 3,2%/năm đến 4,2%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
Công ty Cổ phần Đầu tư HDE Holdings	56.838.657.639	-	56.385.486.224	-
Công ty cổ phần ABG Việt Nam	71.404.627.433	-	52.079.875.862	-
Công ty cổ phần đầu tư công nghệ phân phối FDC	21.504.572.235	-	50.435.336.960	-
Công ty TNHH Phát Triển Hải Việt Đan	35.503.000.000	-	35.503.000.000	-
Công ty Cổ phần thương mại Quốc tế Bavigo	63.643.209.398	-	78.357.276.032	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm FDV Việt Nam	36.691.278.062	-	36.691.278.062	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long	1.000.131.624	-	-	-
Các khoản phải thu	86.914.513.112	-	272.707.617.629	-
	373.499.989.503	-	582.159.870.769	-
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	63.492.761.633	-	78.431.636.750	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38.)

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần phân phối HDE	79.047.548.958	-	322.709.302	-
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Quốc tế Bảo Tín	13.233.000.000	-	13.233.000.000	-
Công ty Cổ phần Cà phê Mê Trang	25.363.702.896	-	16.722.274.191	-
Công ty Cổ phần ABG Việt Nam	36.467.639.439	-	-	-
Ông Lê Đức Thuận	28.700.000.000	-	43.300.000.000	-
Công ty TNHH XNK Bột mỳ Tuấn Yên	4.367.938.424	-	10.050.707.117	-
Công ty TNHH Gia Phúc Lâm	87.398.711.663	-	11.550.139.280	-
Trả trước khác	53.393.915.148	-	39.531.178.788	-
	327.972.456.528	-	134.710.008.678	-
b) Trả trước cho người bán là các bên liên	65.261.821.250	-	63.976.192.718	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38.)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌCSố 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***9 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2026		01/01/2026	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác				
Tạm ứng	135.562.849	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	483.925.780	-	483.925.780	-
Phải thu khác	131.143.734	-	131.143.733	-
	<u>750.632.363</u>	<u>-</u>	<u>615.069.513</u>	<u>-</u>
b) Phải thu dài hạn khác				
Ký cược, ký quỹ	553.320.000	-	152.000.000	-
Phải thu khác	197.934.798	-	-	-
	<u>751.254.798</u>	<u>-</u>	<u>152.000.000</u>	<u>-</u>

10 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2026		01/01/2026	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	203.189.039.748	-	41.592.167.024	-
Hàng hoá	112.026.094.182	-	10.733.640.034	-
Hàng gửi đi bán	112.897.489.709	-	193.748.885.136	-
	<u>428.112.623.639</u>	<u>-</u>	<u>246.074.692.194</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	70.033.398.257	70.033.398.257	94.318.814.719	94.318.814.719
Dự án Nhà máy sản xuất Bảo Ngọc Miền Nam ⁽¹⁾	27.417.323.817	27.417.323.817	27.417.323.817	27.417.323.817
Thiết kế Website	255.252.000	255.252.000	255.252.000	255.252.000
Dự án Nhà máy Bảo An Hà Nam ⁽²⁾	42.360.822.440	42.360.822.440	42.360.822.440	42.360.822.440
Cải tạo xưởng sản xuất	-	-	24.285.416.462	24.285.416.462
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-	45.065.633.936	45.065.633.936
Sửa chữa toà nhà Bảo Ngọc	-	-	45.065.633.936	45.065.633.936
	70.033.398.257	70.033.398.257	139.384.448.655	139.384.448.655

⁽¹⁾ Dự án Nhà máy sản xuất Bảo Ngọc Miền Nam được xây dựng dựa trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1056084566 do Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14/01/2025. Mục tiêu của dự án là sản xuất các loại bánh từ bột. Địa điểm thực hiện dự án tại Lô B13b/I, đường số 2A, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư như sau: Tiến độ góp vốn đến quý 4/2025; Thời gian hoàn tất tổng vốn đầu tư đến quý 4/2027. Tiến độ xây dựng cơ bản từ quý 4/2025 đến quý 3/2027, thời gian lắp đặt máy móc thiết bị từ quý 4/2027 đến quý 2/2028, Nhà máy chính thức đi vào hoạt động từ quý 2/2028.

⁽²⁾ Dự án Nhà máy Bảo An Hà Nam được cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 4324566706 lần đầu ngày 08/06/2022 và thay đổi lần thứ nhất ngày 31/10/2024 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp. Địa điểm thực hiện dự án tại Lô C, ô CN8, đường D4, Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư như sau: Tiến độ góp vốn đến tháng 10/2024; Tiến độ huy động vốn: đến tháng 8/2026; Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành, hoàn thành đầu tư xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và đưa dự án vào hoạt động từ tháng 8/2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá							
Tại ngày 01/01/2026	242.292.339.710	101.266.875.655	7.793.337.272	6.076.754.832	213.130.000	357.642.437.469	
Mua sắm	-	1.000.000.000	-	-	-	1.000.000.000	
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	24.285.416.462	-	-	-	-	24.285.416.462	
Thanh lý, nhượng bán	(52.194.408.896)	(5.180.000.000)	(472.727.273)	-	-	(57.847.136.169)	
Tại ngày 30/06/2026	214.383.347.276	97.086.875.655	7.320.609.999	6.076.754.832	213.130.000	325.080.717.762	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Tại ngày 01/01/2026	42.952.753.528	47.820.186.603	6.696.968.567	3.810.145.530	157.405.879	101.437.460.107	
Trích khấu hao	4.589.937.756	3.249.225.120	169.378.080	968.214.772	7.320.012	8.984.075.740	
Thanh lý, nhượng bán	(7.066.469.951)	(1.559.298.894)	(472.727.273)	-	-	(9.098.496.118)	
Tại ngày 30/06/2026	40.476.221.333	49.510.112.829	6.393.619.374	4.778.360.302	164.725.891	101.323.039.729	
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2026	199.339.586.182	53.446.689.052	1.096.368.705	2.266.609.302	55.724.121	256.204.977.362	
Tại ngày 30/06/2026	173.907.125.943	47.576.762.826	926.990.625	1.298.394.530	48.404.109	223.757.678.033	

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 35.044.237.954 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌCSố 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2026	-	-	-
Thuê tài chính	3.658.662.434	-	3.658.662.434
Tại ngày 30/06/2026	3.658.662.434	-	3.658.662.434
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2026	-	-	-
Trích khấu hao	134.413.224	-	134.413.224
Tại ngày 30/06/2026	134.413.224	-	134.413.224
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2026	-	-	-
Tại ngày 30/06/2026	3.524.249.210	-	3.524.249.210

14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2026	6.098.456.667	6.098.456.667
Tại ngày 30/06/2026	6.098.456.667	6.098.456.667
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2026	4.462.249.832	4.462.249.832
Trích khấu hao	467.487.666	467.487.666
Tại ngày 30/06/2026	4.929.737.498	4.929.737.498
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2026	1.636.206.835	1.636.206.835
Tại ngày 30/06/2026	1.168.719.169	1.168.719.169

15 . CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
a) Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	197.138.315	223.707.067
Chi phí bảo hiểm	756.390.951	31.586.022
Chi phí kinh doanh, quảng cáo, marketing	21.759.888	36.711.469
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	311.793.717	354.284.062
	1.287.082.871	646.288.620
b) Chi phí chờ phân bổ dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	564.654.744	538.689.273
Chi phí thuê đất	13.381.934.302	13.615.460.872
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	47.350.896.299	3.530.892.093
Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	166.885.837	97.381.796
	61.464.371.182	17.782.424.034

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌCSố 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Giá trị lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty con	908.464.765	1.038.245.446
	908.464.765	1.038.245.446

17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hà Lan	10.752.623.736	10.421.148.920
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại Tiến Nhân	7.045.439.139	4.701.611.195
Công ty Cổ phần Thương Mại và Xây Dựng Hạ Tầng ANAMA	10.549.043.400	9.806.537.400
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp	2.945.486.534	9.782.083.214
Công ty Cổ phần Đầu tư Alohome	32.186.155.438	32.186.155.438
Các khoản phải trả khác	52.000.311.007	36.899.110.249
	115.479.059.254	103.796.646.416

18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Công ty TNHH Cơ nhiệt điện lạnh Bách Khoa (*)	-	54.200.000.000
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Tonghe Vina	54.454.556.316	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Bao Bì Tây Đô	14.095.330.002	-
Công ty Cổ phần Đầu tư HDE Holdings	43.180.561.160	-
Trả trước khác	14.243.673.999	5.352.591.244
	125.974.121.477	59.552.591.244

(*) Đây là khoản tiền mà Công ty trên trả trước tiền liên quan đến hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với đất thuê ngày 15 tháng 12 năm 2022, tại công trình xây dựng trên đất tại địa chỉ: Lô A2 CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc đã lập hóa đơn cho giao dịch chuyển nhượng này vào ngày 09/02/2023 tuy nhiên giao dịch chuyển nhượng trên chưa được hoàn thành về mặt pháp lý do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất chưa được sang tên cho Công ty TNHH Cơ nhiệt điện lạnh Bách Khoa. Tại ngày phát hành báo cáo này, giao dịch chuyển nhượng trên đã hoàn tất các thủ tục pháp lý, do đó Công ty thực hiện ghi nhận điều chỉnh lại công nợ và các nghiệp vụ liên quan đến giao dịch này.

Người mua trả tiền trước là các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38.)

	97.290.200.247	670.000.000
--	----------------	-------------

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	8.768.113	13.425.265.155	7.872.420.919	14.233.961.308	94.377.902	7.149.334.555
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	18.904.974.443	3.612.493.588	394.237.013	-	22.123.231.018
Thuế Thu nhập cá nhân	-	93.126.515	380.824.465	133.755.605	-	340.195.375
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	891.820.893	-	763.665.902	-	128.154.991
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.000.000	-	-	-	1.000.000	-
	9.768.113	33.315.187.006	11.865.738.972	15.525.619.828	95.377.902	29.740.915.939

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌCSố 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20 . DOANH THU CHỜ PHÂN BỐ NGẮN HẠN**

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Doanh thu nhận trước	26.363.999	946.181.822
	26.363.999	946.181.822

21 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	681.420.614	1.764.160
Bảo hiểm y tế	152.723.177	-
Bảo hiểm thất nghiệp	65.521.890	-
Mượn tiền ông Trần Viết Thòa	9.000.000.000	-
Mượn tiền ông Đinh Xuân Hải	9.000.000.000	-
Mượn tiền bà Cù Thị Hoài Thương	9.000.000.000	-
Mượn tiền bà Lê Thị Tuyết Lan	9.000.000.000	-
Mượn tiền bà Nguyễn Thị Hương Trang	10.000.000.000	-
Các khoản phải trả khác	73.787.601.556	484.375.780
	120.687.267.237	486.139.940

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2026		Trong kỳ		30/06/2026	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng	550.131.230.935	550.131.230.935	658.688.758.714	(623.730.479.832)	585.089.509.817	585.089.509.817
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	55.258.467.358	55.258.467.358	64.076.091.423	(63.056.483.863)	56.278.074.918	56.278.074.918
Ngân hàng TNHH MTV Woori	49.995.000.000	49.995.000.000	14.300.000.000	(14.300.000.000)	49.995.000.000	49.995.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong	64.454.191.400	64.454.191.400	76.495.468.461	(100.750.386.489)	40.199.273.372	40.199.273.372
Ngân hàng TMCP Quân Đội	74.820.320.156	74.820.320.156	62.000.000.000	(74.820.320.156)	62.000.000.000	62.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	21.972.371.256	21.972.371.256	25.031.204.159	(22.007.276.159)	24.996.299.256	24.996.299.256
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	59.097.713.406	59.097.713.406	20.000.000.000	(59.097.713.406)	20.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình	199.736.746.330	199.736.746.330	265.021.557.416	(264.901.878.730)	199.856.425.016	199.856.425.016
Ngân hàng thương mại TNHH E.SUN	-	-	60.000.000.000	-	60.000.000.000	60.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	24.796.421.029	24.796.421.029	71.764.437.255	(24.796.421.029)	71.764.437.255	71.764.437.255
Nợ dài hạn đến hạn trả	22.075.638.982	22.075.638.982	10.118.215.151	(9.202.379.843)	22.991.474.290	22.991.474.290
Ngân hàng TMCP An Bình	12.275.634.982	12.275.634.982	5.119.047.620	(5.119.047.620)	12.275.634.982	12.275.634.982
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	9.800.004.000	9.800.004.000	4.083.332.223	(4.083.332.223)	9.800.004.000	9.800.004.000
Nợ thuế tài chính dài hạn	-	-	915.835.308	-	915.835.308	915.835.308
Tổng cộng vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	572.206.869.917	572.206.869.917	668.806.973.865	(632.932.859.675)	608.080.984.107	608.080.984.107

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2026		Trong kỳ		30/06/2026	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
Ngân hàng TMCP An Bình	58.367.222.158	58.367.222.158	-	(5.119.047.620)	53.248.174.538	53.248.174.538
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	74.783.325.000	74.783.325.000	-	(4.083.332.223)	70.699.992.777	70.699.992.777
Nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	3.951.465.900	(2.196.114.917)	1.755.350.983	1.755.350.983
	133.150.547.158	133.150.547.158	3.951.465.900	(11.398.494.760)	125.703.518.298	125.703.518.298

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay và nợ th:

STT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 30/06/2026	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo
I	Đơn vị tính: VND							
1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam							
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 406-03/2024- HDCVHM/NHCT131-BN ngày 16/01/2024	45.000.000.000	Tài trợ vốn lưu động, nhập khẩu/mua trong nước nguyên vật liệu/ hàng hóa liên quan đến hoạt động kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	585.089.509.817 56.278.074.918 2.445.513.995	585.089.509.817 56.278.074.918 2.445.513.995	Tài sản đảm bảo - Đảm bảo bằng tài sản
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 05-03/2024- HDCVHM/NHCT131-HH ngày 09 tháng 01 năm 2024.	60.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	53.832.560.923	53.832.560.923	- Đảm bảo bằng tài sản
2	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - CN Bắc Ninh							
	Hợp đồng cho vay hạn mức số VN123001244/2023- HDCVHM/WBVN300 ngày 28/02/2023	50.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	49.995.000.000 49.995.000.000	49.995.000.000 49.995.000.000	Bảo lãnh bằng tài sản của cổ đồng lớn (ông Lê Đức Thuần).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay và nợ th

STT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 30/06/2026	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo
3	Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam Hợp đồng tín dụng số HN/2022/02/BCB/HDTĐ ngày 12/01/2022 và hợp đồng bổ sung số HN/2022/02/BCB/HDTĐ/BS1 ngày 11/01/2023 Hợp đồng tín dụng số HN/2022/04/BCB/HDTĐ ngày 12/01/2022 và Hợp đồng bổ sung số HN/2022/03/BCB/HDTĐ/BS1 ngày 11/01/2023; Hợp đồng bổ sung tín dụng lần thứ 2 số HN/2022/04/BCB/HDTĐ/BS2 ngày 16/12/2024; Hợp đồng tín dụng số HN/2022/03/BCB/HDTĐ ngày 12/01/2022 và Hợp đồng bổ sung số HN/2022/03/BCB/HDTĐ/BS1 ngày 11/01/2023	70.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ	Quy định trong từng giấy nhận nợ	40.199.273.372 16.510.000.000 8.356.096.911 15.333.176.461	40.199.273.372 16.510.000.000 8.356.096.911 15.333.176.461	- Đảm bảo bằng tài sản
4	Ngân hàng TMCP Quân Đội Hợp đồng cấp tín dụng số 234855.24.056.1516289.TD ngày 08/08/2024	75.000.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bán lẻ của khách hàng	Từ ngày giao kết hợp đồng đến ngày 15/07/2025	Theo từng giấy nhận nợ	62.000.000.000 62.000.000.000	62.000.000.000 62.000.000.000	- Đảm bảo bằng tài sản
5	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số CLC- 26425-01 ngày 13/09/2024	80.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, phát hành LC, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động kinh doanh sản xuất, thương mại bán lẻ, nông sản.	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	24.996.299.256 24.996.299.256	24.996.299.256 24.996.299.256	Bảo lãnh bằng Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2024/HDTG/VPB- BAONGOC; Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 10722/11366296/VPB-BN

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay và nợ th

STT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 30/06/2026	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo
Đơn vị tính: VND								
6	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	80.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh nông sản điều	12 tháng	Áp dụng theo từng lần giải ngân	20.000.000.000	20.000.000.000	Tài sản đảm bảo
	Hợp đồng cấp tín dụng số DDA20241892479/HDTD ngày 16/05/2024					20.000.000.000	20.000.000.000	- Đảm bảo bằng tài sản
7	Ngân hàng TMCP An Bình	200.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	199.856.425.016	199.856.425.016	Tài sản đảm bảo
	Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 1140/24/TD/SME/116 ngày 24/09/2024					199.856.425.016	199.856.425.016	- Đảm bảo bằng tài sản
8	Ngân hàng thương mại TNHH E.SUN	60.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	60.000.000.000	60.000.000.000	Tài sản đảm bảo
	Thỏa thuận tín dụng số 10001373LD001202622 ngày 20/03/2026					60.000.000.000	60.000.000.000	- Đảm bảo bằng tài sản
9	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	100.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	71.764.437.255	71.764.437.255	Tài sản đảm bảo
	Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 292/2025/HDTD/HTH ngày 27/11/2025					71.764.437.255	71.764.437.255	- Tín chấp
II	Vay dài hạn							
1	Ngân hàng TMCP An Bình	86.000.000.000	Vay bù đắp tài chính	84 tháng	9%/năm	146.023.806.297	22.075.638.982	Tài sản đảm bảo
	Hợp đồng cho vay từng lần số 1142/24/TD/SME/116 ngày 24/09/2024					65.523.809.520	12.275.634.982	- Đảm bảo bằng tài sản
2	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	98.000.000.000	Cho vay đầu tư tài sản cố định là nhà xưởng, khu văn phòng	120 tháng	9,01%/năm	80.499.996.777	9.800.004.000	Tài sản đảm bảo
	Hợp đồng tín dụng số DDA20242010665/HDTD ngày 28/06/2024; Phụ lục số DDA20242010665/HDTD/PL 2379196 ngày 11/10/2024					80.499.996.777	9.800.004.000	- Đảm bảo bằng tài sản
Tổng cộng các khoản vay						731.113.316.114	697.165.148.799	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÀU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay và nợ th

Đơn vị tính: VND							
STT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 30/06/2026	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng
III	Nợ thuê tài chính dài hạn						
I	Công ty TNHH cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam						
	Hợp đồng cho thuê tài chính Số:2026-00187-000 ngày 20/05/2026	3.951.465.900	Thuê thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh	37 tháng	8,17%/năm	1.755.350.983	915.835.308
	Tổng nợ thuê tài chính					1.755.350.983	915.835.308
							- Đảm bảo bằng tài sản và ký quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23 . TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.645.005.279	3.041.739.879
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(827.560.193)
	2.645.005.279	2.214.179.686
b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế thu nhập	-	827.560.193
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	(827.560.193)
	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Quý II năm 2025						
Tại ngày 01/01/2025	312.493.940.000	79.978.400.000	3.055.393.794	123.811.057.065	19.726.331.868	539.065.122.727
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	(19.738.760.659)	2.219.244.470	(17.519.516.189)
Công ty con tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	4.593.984.049	4.593.984.049
Tại ngày 30/06/2025	312.493.940.000	79.978.400.000	3.055.393.794	104.072.296.406	26.539.560.387	526.139.590.587
Quý II năm 2026						
Tại ngày 01/01/2026	312.493.940.000	79.978.400.000	3.055.393.794	172.447.464.248	8.910.321.732	576.885.519.774
Lãi trong kỳ này	-	-	-	(4.798.246.603)	(953.816.325)	(5.752.062.928)
Tăng/giảm khác	-	-	-	(906.322.076)	87.864.270	(818.457.806)
Tại ngày 30/06/2026	312.493.940.000	79.978.400.000	3.055.393.794	166.742.895.569	8.044.369.677	570.314.999.040

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌCSố 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	30/06/2026	Tỷ lệ	01/01/2026
	(%)	VND	(%)	VND
Ông Lê Đức Thuận	36,06%	112.696.680.000	36,06%	112.696.680.000
Vốn góp của các cổ đông khác	63,94%	199.797.260.000	63,94%	199.797.260.000
	100%	312.493.940.000	100%	312.493.940.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Quý II năm 2026	Quý II năm 2025
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	312.493.940.000	312.493.940.000
- Vốn góp đầu kỳ	312.493.940.000	312.493.940.000
- Vốn góp cuối kỳ	312.493.940.000	312.493.940.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2026	01/01/2026
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31.249.394	31.249.394
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	31.249.394	31.249.394
- Cổ phiếu phổ thông	31.249.394	31.249.394
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.249.394	31.249.394
- Cổ phiếu phổ thông	31.249.394	31.249.394
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.055.393.794	3.055.393.794
	3.055.393.794	3.055.393.794

25 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý II năm 2026	Quý II năm 2025
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	105.207.445.469	182.250.372.753
Doanh thu bán hàng hóa	39.010.783.800	280.151.505.320
Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1.758.295.810	1.320.523.513
	145.976.525.079	463.722.401.586
Doanh thu đối với các bên liên quan	7.436.919.654	7.556.104.656
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38.)		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌCSố 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Quý II năm 2026	Quý II năm 2025
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	378.520.625	2.409.371.454
Hàng bán bị trả lại	443.548.772	2.423.128.220
Giảm giá hàng bán	-	-
	822.069.397	4.832.499.674

27 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý II năm 2026	Quý II năm 2025
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	81.125.204.367	100.592.023.684
Giá vốn của hàng hóa đã bán	38.649.484.553	290.782.201.051
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	688.989.264	1.028.000.394
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	4.534.152.644
	120.463.678.184	396.936.377.773

28 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý II năm 2026	Quý II năm 2025
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	335.265.493	982.086.724
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	1.251.804.227
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	1.288.479.825
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.959.187	-
	340.224.680	3.522.370.776

29 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý II năm 2026	Quý II năm 2025
	VND	VND
Lãi tiền vay	13.618.974.267	17.689.653.529
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	147.298.765
Chi phí tài chính khác	157.926.483	226.528
	13.776.900.750	17.837.178.822

30 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Quý II năm 2026	Quý II năm 2025
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	-	15.709.540
Chi phí nhân công	3.561.765.797	2.400.025.258
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.069.775	139.457.342
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.714.831.913	14.273.884.434
Chi phí khác bằng tiền	30.040.767	1.574.074
	12.320.708.252	16.830.650.648

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌCSố 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Quý II năm 2026	Quý II năm 2025
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	335.419.618	186.526.162
Chi phí nhân công	4.396.306.051	1.811.302.669
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.089.224.591	1.863.685.792
Thuế, phí, lệ phí	159.231.237	234.684.840
Chi phí dịch vụ mua ngoài	840.095.805	620.223.652
Lợi thế thương mại	-	42.740.064
Chi phí khác bằng tiền	2.130.511.023	2.153.036.778
	9.950.788.325	6.912.199.957

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý II năm 2026	Quý II năm 2025
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(7.794.671.888)	(8.587.792.945)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.517.143.570	(938.988.322)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.517.143.570	(938.988.322)

33 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(4.798.246.603)	(19.738.760.659)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(4.798.246.603)	(19.738.760.659)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	31.249.394	31.249.394
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(154)	(632)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

34 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Quý II năm 2026	Quý II năm 2025
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.587.261.735	372.578.926.769
Chi phí nhân công	12.067.520.339	7.964.060.211
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.833.713.359	5.972.096.468
Chi phí thuế và lệ phí	159.231.237	279.310.191
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.976.824.653	20.235.659.934
Chi phí khác bằng tiền	2.175.678.416	1.892.295.614
	48.800.229.739	408.922.349.187

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

		Giá trị sổ kế toán			
		30/06/2026		01/01/2026	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.500.229.965	-		22.903.169.270	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	375.001.876.664	-		582.926.940.282	-
Các khoản cho vay	-	-		22.500.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	145.586.000.000	-		30.200.000.000	-
	566.088.106.629	-		658.530.109.552	-

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	733.784.502.405	705.357.417.075
Phải trả người bán, phải trả khác	237.955.466.491	106.071.926.356
	971.739.968.896	811.429.343.431

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 30/06/2026				
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.500.229.965	-	-	45.500.229.965
Phải thu khách hàng, phải thu khác	374.250.621.866	751.254.798	-	375.001.876.664
Đầu tư ngắn hạn	145.586.000.000	-	-	145.586.000.000
	<u>565.336.851.831</u>	<u>751.254.798</u>	<u>-</u>	<u>566.088.106.629</u>
Tại ngày 01/01/2026				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.903.169.270	-	-	22.903.169.270
Phải thu khách hàng, phải thu khác	582.774.940.282	152.000.000	-	582.926.940.282
Các khoản cho vay	22.500.000.000	-	-	22.500.000.000
Đầu tư ngắn hạn	30.200.000.000	-	-	30.200.000.000
	<u>658.378.109.552</u>	<u>152.000.000</u>	<u>-</u>	<u>658.530.109.552</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Số 2, phố Thanh Lâm, Phường Xuân Phương,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2026				
Vay và nợ	608.080.984.107	104.003.545.521	21.699.972.777	733.784.502.405
Phải trả người bán, phải trả khác	236.166.326.491	1.789.140.000	-	237.955.466.491
	844.247.310.598	105.792.685.521	21.699.972.777	971.739.968.896
Tại ngày 01/01/2026				
Vay và nợ	572.206.869.917	88.292.476.622	44.858.070.536	705.357.417.075
Phải trả người bán, phải trả khác	104.282.786.356	1.789.140.000	-	106.071.926.356
	676.489.656.273	90.081.616.622	44.858.070.536	811.429.343.431

36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

37 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động sản xuất và thương mại	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	143.396.159.872	1.758.295.810	145.154.455.682
Giá vốn từ bán hàng ra bên ngoài	119.774.688.920	688.989.264	120.463.678.184
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	23.621.470.952	1.069.306.546	24.690.777.498
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	25.285.416.462
Tài sản bộ phận trực tiếp	-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	1.704.328.425.364
Tổng tài sản	-	-	1.704.328.425.364
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	1.134.013.426.324
Tổng nợ phải trả	-	-	1.134.013.426.324

Theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

38 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Quý II năm 2026 VND	Quý II năm 2025 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.436.919.654	7.556.104.656
Công ty CP Sản xuất Bao Bì Tây Đô	(2)	5.764.326.448	-
Công ty CP Thương mại Quốc tế Bavigo	(3)	1.667.980.026	7.385.665.256
Công ty cổ phần Tập Đoàn Cà Phê Mê Trang	(4)	4.613.180	170.439.400
Mua hàng hóa, dịch vụ		2.330.626.074	10.061.821.021
Công ty CP Sản xuất Bao Bì Tây Đô	(2)	1.829.629.456	3.596.047.172
Công ty CP Tập đoàn Cà phê Mê Trang	(4)	500.366.186	6.461.395.449
Công ty CP Thương mại Quốc tế Bavigo	(3)	630.432	4.378.400

Số dư tại ngày kết thúc kỳ:

	Mối quan hệ	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Phải thu khách hàng		63.492.761.633	78.431.636.750
Công ty CP Á Long	(1)	-	-
Công ty CP Tập đoàn Cà phê Mê Trang	(4)	4.982.235	184.074.553
Công ty CP Thương mại quốc tế Bavigo	(3)	63.487.779.398	78.247.562.197
Trả trước cho người bán		65.261.821.250	63.976.192.718
Công ty CP Sản xuất Bao bì Tây Đô	(2)	11.198.118.354	3.953.918.527
Ông Lê Đức Thuận	Chủ tịch HĐQT	54.063.702.896	43.300.000.000
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Cà Phê Mê Trang	(4)	-	16.722.274.191
Người mua trả tiền trước		97.290.200.247	670.000.000
Công ty CP Sản xuất Bao Bì Tây Đô	(2)	95.445.732.742	-
Công ty CP Á Long	(1)	1.844.467.505	670.000.000

(1) Chủ tịch HĐQT của Công ty, đồng thời là cổ đông lớn kiêm Tổng giám đốc của Công ty trên.

(2) Phó Tổng Giám đốc Công ty là Chủ tịch HĐQT của bên liên quan

(3) Thành viên HĐQT Công ty là Giám đốc của bên liên quan.

(4) Chủ tịch HĐQT Công ty là thành viên HĐQT của bên liên quan.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

		Quý II năm 2026 VND	Quý II năm 2025 VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		133.579.553	89.301.000
Ông Lê Đức Thuận	Chủ tịch HĐQT	113.579.553	-
Ông Đặng Minh Quang	Thành viên HĐQT	20.000.000	-
Bà Lê Thị Thanh Huyền	Trưởng ban kiểm soát	-	35.148.000
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	-	54.153.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

39 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất Quý 2 và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 2, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Quý 2 và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán Quý 2 năm 2025 do Công ty lập, đồng thời cũng được điều chỉnh lại theo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ năm 2025 đã được soát xét.



Lại Thị Thu Hà
Người lập



Trần Thị Sáng
Kế toán trưởng



Lê Hoàng Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2026

TU BẢO NGỌC